

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 370/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2022.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Xuân;

2. Bà Nguyễn Thị Út.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/01/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 455/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 604/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 1078 LVL, ấp A, xã PK, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 387/29 PHL, ấp B, xã PK, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2021, bản tự khai ngày 14/02/2022, lời trình bày tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Viết H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Viết H và bà Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 135 quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã PX, huyện Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/9/2005.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, từ năm 2018 đến nay thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tài chính, về nuôi dạy con cái, cách cư xử trong gia đình làm cho vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dần dần vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông H và bà T đã ly thân từ cuối năm 2019. Đầu năm 2021, bà T đã bỏ ra ngoài sinh sống cho đến nay. Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông H được ly hôn bà T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Việt Anh Trường, sinh ngày 07/10/2006 (Nam) và Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 07/7/2017 (nữ). Hiện nay các cháu đang sống với mẹ nên ông H đồng ý tiếp tục giao cho hai con chưa thành niên cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông H xác định không có.

- Về nợ chung: Ông H xác định không có.

- Về án phí: Ông H tự nguyện nộp toàn bộ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, gồm: Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T nhưng bà T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa hôm nay, đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và tuân thủ nội quy phiên tòa. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng về thời gian, địa điểm mở phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 135 quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã PX, huyện Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/9/2005 thì ông Nguyễn Việt H và bà Nguyễn Thị Thùy T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông Nguyễn Việt H khởi kiện ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Do bà T đang cư trú tại huyện

Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thùy T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng về thời gian, địa điểm mở phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2019 mà không cải thiện được, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống về tài chính, về nuôi dạy con cái, cách cư xử trong gia đình làm cho vợ chồng thường xuyên cãi nhau và dần không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn nhưng không có kết quả. Cũng từ năm 2019 đến nay ông H và bà T đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng đã không còn nên có duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng để tham gia hòa giải, hàn gắn gia đình với ông H cũng như đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do chứng tỏ giữa ông H và bà T không còn khả năng hàn gắn quan hệ vợ chồng và bà T cũng không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này nữa. Theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ xã Phước Kiển cho thấy giữa ông H và bà T chưa đến cơ quan trình bày vụ việc, con chung thì bà T đang nuôi dưỡng, ông H không sống cùng bà T. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà T là hoàn toàn có thật và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Viết H đối với bà Nguyễn Thị Thùy T.

[3.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Viết Anh Trường, sinh ngày 07/10/2006 (nam) và Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 07/7/2017 (nữ). Hiện nay hai con chung đang sống với bà T nên ông H đồng ý tiếp tục giao cho hai con chưa thành niên cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Về cấp dưỡng nuôi con: Không có.

Tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu Nguyễn Viết Anh Trường, sinh ngày 07/10/2006 (nam): Cháu Trường có nguyện vọng xin được sống với mẹ là bà T và hiện nay bà T đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trường và cháu Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 07/7/2017 (nữ), để đảm bảo quyền lợi và điều kiện phát triển bình thường của trẻ em việc giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng theo nguyện vọng của trẻ.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông H không cấp dưỡng nuôi con, bà T không đến Tòa để đưa ra yêu cầu hay có ý kiến gì về việc cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

Ông H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Ông H xác định không có.

[3.4] Về nợ chung: Ông H xác định không có.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Viết H có nghĩa vụ phải nộp, được căn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0037455 ngày 25/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, ông H đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Viết H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Viết Anh Trường, sinh ngày 07/10/2006 (Nam) và Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 07/7/2017 (nữ). Giao hai con chung chưa thành niên là Nguyễn Viết Anh Trường, sinh ngày 07/10/2006 (Nam) và Nguyễn Ngọc Anh Thư, sinh ngày 07/7/2017 (nữ) cho bà Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không có. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

- Về tài sản chung: Ông H xác định không có. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

- Về nợ chung: Ông H xác định không có.

2/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Viết H có nghĩa vụ phải nộp, được căn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0037455 ngày 25/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, ông H đã nộp đủ án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã PX;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thùy Linh